

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2934/QĐ-UBND

Hạ Long, ngày 06 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông học kỳ I,
năm học 2023-2024 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH4 ngày 22/11/2019;

Căn cứ hướng dẫn số 2696/BGDĐT-KHTC ngày 27/6/2022 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Hạ Long tại Công văn số 1555/PGDDĐT ngày 05/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ cho 598 trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông học kỳ I, năm học 2023 – 2024, (có danh sách chi tiết kèm theo).

Điều 2: Mức hỗ trợ, thời gian hưởng hỗ trợ, nguồn kinh phí:

- Mức hỗ trợ: Quy định tại khoản 10 Điều 20 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ: 150.000 đồng/học sinh/tháng (hỗ trợ theo số tháng thực học).

- Thời gian hỗ trợ: Theo thời gian học thực tế (không quá 9 tháng/năm học).

- Tổng kinh phí hỗ trợ: **362.250.000 đồng** (Ba trăm sáu mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Nguồn kinh phí: Chi sự nghiệp Giáo dục ngân sách thành phố năm 2023 - Kinh phí đã giao dự toán đầu năm cho các trường học tại Quyết định 4958/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND thành phố.

Hiệu trưởng các đơn vị sự nghiệp giáo dục chịu trách nhiệm thông báo công khai và triển khai hỗ trợ theo quy định.

Điều 3. Các ông, (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND Thành phố; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch Thành phố, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (T/h);
- Sở GD&ĐT (B/c);
- TT: Thành ủy, HĐND thành phố (B/c);
- CT, các PCT (C/đạo);
- V0, V2;
- Lưu: VT, VX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Sơn



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ LONG

DANH SÁCH HỌC SINH HƯỞNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
THEO NGHỊ ĐỊNH 81/2021/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo Quyết định số 2934/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Long)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/NĐ-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
	Tổng cộng							362.250.000	
	MN Cao Xanh								
1	Hoàng Phương Thảo	21/03/2018	5TA1	Tổ 32 khu 3 P cao Xanh, TP Hạ Long, Tỉnh QN	Trẻ em mẫu giáo bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
	MN Đại Yên							-	
2	Trương Anh Tuấn	23/12/2018	5TA4	Tổ 2 - Khu 2 - Phường Đại Yên	Trẻ em mẫu giáo bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
3	Trần Hoàng Đăng Khôi	21/10/2018	5TA2	Tổ 1 - Khu Đại Dán - Phường Đại Yên	Trẻ em mẫu giáo bị khuyết tật	3	150.000	450.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
	MN Hà Khẩu							-	
4	Nguyễn Minh Đạt	11/27/2019	4TA3	Tổ 5, khu 10, phường Hoành Bồ, TP Hạ Long, QN	Trẻ em mẫu giáo bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
5	Nguyễn Thế Phong	09/02/2018	5TA1	Tổ 42, khu 4, phường Hà Khẩu, TP Hạ Long, QN	Trẻ em mẫu giáo bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
6	Triệu Ngọc Hoàn	7/18/2019	4TA2	Tổ 18, khu 2, phường Hà Khẩu, TP Hạ Long, QN	Trẻ em mẫu giáo bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
7	Vũ Thành Công	4/11/2019	4TA1	Tổ 57, khu 6, phường Hà Khẩu, TP Hạ Long, QN	Trẻ em mẫu giáo bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
	MN Trới							-	
8	Bùi Thành Đại	03/07/2019	4 tuổi A1	Khu Trới 5, Phường Hoành Bồ	Trẻ em mẫu giáo bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021
	MN Thống Nhất							-	
9	Trần Bình An	4/5/2019	4 tuổi Xích Thổ	Thôn Xích Thổ, xã Thống Nhất	Trẻ em mẫu giáo bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kính phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/ND-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
209	Dương Minh Đức	10/02/2014	3D	Tổ 1 khu 5 Yết Kiêu Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
210	Vũ Sinh Thiện	12/04/2013	4B	Tổ 4 khu 3 Yết Kiêu Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
211	Vũ Công Hưng	28/02/2014	4B	Tổ 7 khu 4 Yết Kiêu Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
212	Nguyễn Duy Bảo	31/03/2012	5A	Tổ 11 khu 4 Hồng Hà Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
213	Nguyễn Phúc Nguyên	10/07/2012	5A	T2, K4, P. Yết Kiêu TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
214	Nguyễn Việt Tiến	01/06/2008	5C	khu 2 Đông Triều, TX Đông Triều	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
	Tiểu học Trần Quốc Toàn							-	
215	Nguyễn Hà An	03/11/2017	1A3	Tổ 8, Khu 8, P. Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
216	Cao Hoàng Hải Kiên	14/02/2015	2A2	Tổ 3, khu 5, P. Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
217	Phạm Văn Hoàng	17/02/2015	2A3	Xã Quảng Minh, huyện Hải Hà, tỉnh QN	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
218	Nguyễn Hoàng Thiên Kim	22/02/2015	3A7	Tổ 5, Khu 3, P. Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
219	Nguyễn Khang Duy	06/02/2012	4A6	Tổ 3, Khu 3, P. Hồng Hà, TP Hạ Long	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
	Tiểu học Sơn Dương							-	
220	Phạm Khánh Mỹ	17/04/2016	2A1	Thôn Vườn Rậm, Xã Sơn Dương	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
	Tiểu học Hạ Long							-	
221	Đoàn Gia Linh	18/10/2016	1A4	Tổ 41 - Khu 4 - Phường Hồng gai	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	3	150.000	450.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
222	Vũ Đức Quyền Linh	24/06/2014	2A1	Tổ 15 khu 1, P. Hồng Gai	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
223	Nguyễn Trọng Hưng Vương	29/04/2016	2A3	Tổ 57 - Khu 4 - P. Hồng Gai	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	3	150.000	450.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2022
224	Phạm Trần Hoàng Anh	06/09/2014	3A2	Tổ 6 khu 3, P. Hồng Gai	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2023

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Học lớp	Địa chỉ	Đối tượng	Kinh phí hỗ trợ			Chính sách quy định tại ND 81/2021/ND-CP
						Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	
225	Mai Hồng Phong	25/02/2015	3A6	Tổ 13-Khu3- Phường Hồng Gai	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2024
226	Nguyễn Bảo Anh	15/08/2013	4A4	Tổ 17 khu 2, P. Hồng Gai	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
227	Phạm Minh Tùng	30/01/2010	4A11	Tổ 18 khu 2, P. Hòn Gai	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
228	Hoàng Vũ Bảo Hân	02/10/2014	4A12	Tạm trú tổ 1 khu 3, P. Hồng Gai	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
229	Phạm Tuấn Phong	19/08/2013	5A1	Tổ 1C khu 1, Phường Cao Xanh	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
230	Nguyễn Hoàng Anh	25/06/2010	5A2	Tổ 18 khu 2, P. Hòn Gai	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
231	Đoàn Ngọc Hà	25/09/2011	5A4	Tổ 10 khu 3, P. Bãi Cháy	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
	Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc							-	
232	Phạm Gia Bảo	17/11/2014	4A1	Tổ 13, khu 9, phường Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
233	Phùng Minh Dũng	31/10/2012	4A4	Tổ 1, khu 6, phường Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
234	Phùng Minh Hùng	31/10/2012	5A1	Tổ 1, khu 6, phường Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
235	Nguyễn Khánh Hoàng	13/09/2012	5A2	Tổ 6, khu 6, phường Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
236	Trần Minh Nghĩa	22/05/2012	5A3	Tổ 4, khu 9, phường Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
237	Trần Bảo Lâm	19/09/2013	5A4	Tổ 11, khu 3, phường Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
238	Phạm Dương Anh	31/10/2013	5A5	Tổ 8, khu 6, phường Hồng Hà	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
239	Nguyễn Đăng Ngọc Anh	30/05/2017	1A4	Tổ 1, khu 7, phường Hà Tu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
240	Đỗ Văn Phong	27/11/2013	3A2	Tổ 3, khu 7, phường Hà Tu	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
241	Trần Văn Đức	25/01/2014	2A5	Tổ 5, khu 1, phường Hà Trung	Học sinh phổ thông bị khuyết tật	4	150.000	600.000	Khoản 2 Điều 18 ND 81/2021/ND-CP ngày 27/8/2021
	Tiểu học Minh Hà							-	